



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**  
Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Điện thoại: (84.8) 3930.4464 – 3930.4466 Fax: (84.8) 3930.3186 MST: 0301042973  
Email: [info@agrexland.com](mailto:info@agrexland.com) Website: <http://www.agrexland.com>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2014

**PHỤ LỤC  
NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>			
<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>			
1		<i>Bổ sung Khoản 1 Điều 1</i> e. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
2	<i>Khoản 4 Điều 1</i> 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	<i>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>			
<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>			
3	<i>Khoản 6 Điều 2</i> 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 50.2 và Điều 51, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	<i>Bổ sung và sửa đổi Khoản 6 Điều 2</i> 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động <u>trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này</u> , thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Để phù hợp với Điều lệ mẫu và Điều lệ mới sau khi sửa đổi, bổ sung
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>			
<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>			
4	<i>Khoản 2 Điều 4</i> 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 4</i> 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua</u> .	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP</b>			
<b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đồng sáng lập</b>			
5	<i>Khoản 3 Điều 5</i> 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11.	<i>Bổ sung Khoản 3 Điều 5</i> 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, <b>cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi</b> . Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
6	<i>Khoản 5 Điều 5</i> 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đồng hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đồng quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đồng có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đồng không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đồng hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đồng chấp thuận.	<i>Sửa đổi Khoản 6 Điều 5</i> 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đồng hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đồng quyết định khác. Số cổ phần cổ đồng không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đồng hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
7	<i>Khoản 7 Điều 5</i> 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đồng nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	<i>Sửa đổi Khoản 8 Điều 5</i> 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đồng thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
8	<b>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</b>	<b>Điều 6. Chứng <b>nhận</b> cổ phiếu</b>	
9	<i>Khoản 2 Điều 6</i> 2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 6</i> 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
10	<b>Khoản 3 Điều 6</b> 3. Kể từ khi nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	<b>Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6</b> 3. <b>Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc</b> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc <b>trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định)</b> kể từ ngày kết thúc đợt phát hành và thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu
11	<b>Khoản 4 Điều 6</b> 4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.	<b>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</b>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
12	<b>Khoản 6 Điều 6</b> 6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.	<b>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</b>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
13	<b>Khoản 7 Điều 6</b> 7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	<b>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</b>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b>			
14	<b>Khoản 1 Điều 8</b> 1. Tất cả các loại cổ phần của công ty được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	<b>Sửa đổi Khoản 1 Điều 8</b> 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
15	<b>Khoản 2 Điều 8</b> 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	<b>Bổ sung Khoản 2 Điều 8</b> 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và <b>hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhân cổ tức, quyền nhân cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</b>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	<b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b>		
16	<i>Khoản 3 Điều 9</i> 3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	<i>Sửa đổi Khoản 3 Điều 9</i> 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
17	<i>Khoản 4 Điều 9</i> 4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	<i>Sửa đổi Khoản 4 Điều 9</i> 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là <b>các cổ phần được quyền chào bán</b> . Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
18	<i>Khoản 5 Điều 9</i> 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ 15%/năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	<i>Sửa đổi Khoản 5 Điều 9</i> 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ <b>(không quá 15 % một năm)</b> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>			
	<b>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý</b>	<b>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, <u>quản trị và kiểm soát</u></b>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
19	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Ban kiểm soát c. Hội đồng quản trị; d. Tổng giám đốc điều hành.	Cơ cấu tổ chức quản lý, <u>quản trị và kiểm soát của Công ty</u> bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; <b>2. Hội đồng quản trị;</b> <b>3. Ban kiểm soát;</b> 4. Tổng giám đốc điều hành.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
	<b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b>		
20	<i>Khoản 2 Điều 11</i> 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	<i>Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 11</i> 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	
21	a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;	a. Tham dự <b>và phát biểu</b> trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc <b>thực hiện bỏ phiếu từ xa;</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
22	b. Nhận cổ tức;	b. Nhận cổ tức <b>với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
23	e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	đ. <b>Xem xét, tra cứu và trích lục</b> các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
24	g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;	g. Trường hợp Công ty giải thể <b>hoặc phá sản</b> , được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các <b>cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty</b> theo quy định của pháp luật;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
25	<i>Khoản 3 Điều 11</i> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:	<i>Sửa đổi Khoản 3 Điều 11</i> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>5 %</b> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
26	a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 36.2;	a. Đề cử các <b>ứng viên</b> Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
27	b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông <b>theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp</b> ;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b>			
28		<i>Bổ sung Khoản Điều 12</i> 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>			
29	<i>Khoản 2 Điều 14</i> 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:	<i>Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 14</i> 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	
30	b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.	b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. <b>Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông</b> ;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
31	e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;	đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
32	<i>Mục b Khoản 3 Điều 14</i> b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.	<i>Sửa đổi Mục b Khoản 3 Điều 14</i> b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó <u>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khởp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</u>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 16. Thay đổi các quyền</b>			
33	<i>Khoản 1 Điều 16</i> 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.	<i>Sửa đổi Khoản 1 Điều 16</i> 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>			
34	<i>Khoản 3 Điều 17</i> 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội và phải được công bố trên website của công ty hoặc 01 tờ báo trung ương hay 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.	<i>Sửa đổi Khoản 3 Điều 17</i> 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <u>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
35		<i>Bổ sung Mục d Khoản 5 Điều 17</i> d. Các trường hợp khác.	
<b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>			
36	<i>Khoản 2 Điều 18</i> 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. □	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 18</i> 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>người triệu tập họp huỷ cuộc họp</u> . Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
37	<i>Khoản 4 Điều 18</i> 4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.	<i>Bổ Khoản 4 Điều 18 trong Điều lệ mới</i>	Bổ theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>			
38	<i>Khoản 2 Điều 19</i> 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 19</i> 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu <u>tán thành</u> , phản đối, bỏ phiếu trắng <u>hoặc không hợp lệ từng vấn đề</u> được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu <u>theo đề nghị của Chủ tọa</u> . Số thành viên của ban kiểm phiếu do <u>Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành</u> .	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
39	<i>Khoản 4 Điều 19</i> 4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	<i>Sửa đổi Khoản 4 Điều 19</i> 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt <u>hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp</u> . Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. <u>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
40	<b>Khoản 6 Điều 19</b> 6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.	<b>Sửa đổi Khoản 6 Điều 19</b> 6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
41	<b>Khoản 7 Điều 19</b> 7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.	<b>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</b>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>			
42	<b>Khoản 2 Điều 20</b> 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	<b>Sửa đổi Khoản 2 Điều 20</b> 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, <b>việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp</b> , giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo <b>Báo cáo tài chính gần nhất</b> được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông <b>(trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>			
43	<b>Khoản 2 Điều 21</b> 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;	<b>Sửa đổi Khoản 2 Điều 21</b> 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được <b>địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu



STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
44	<i>Khoản 6 Điều 21</i> 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	<i>Sửa đổi Khoản 6 Điều 21</i> 6. Biên bản kiểm phiếu phải được <b>công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ</b> và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
45	<i>Khoản 8 Điều 21</i> 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>Sửa đổi Khoản 8 Điều 21</i> 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <b>phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</b> và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
46	<i>Khoản 9 Điều 21</i> 9. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi các cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này.	<i>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>			
47	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. <b>Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</b> và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>			
48		<i>Bổ sung:</i> Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ sẽ tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông <b>trong vòng ba mươi (30) ngày</b> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>			
49	<i>Khoản 1 Điều 24</i> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	<i>Sửa đổi Khoản 1 Điều 24</i> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
50	<b>Khoản 2 Điều 24</b> 2. Các cổ đông nắm giữ nhỏ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 15% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	<b>Sửa đổi Khoản 2 Điều 24</b> giữ <u>cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
51	5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u>	
<b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>			
52	<b>Mục h Khoản 3 Điều 25</b> h. Đề xuất giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;	<b>Sửa đổi Mục h Khoản 3 Điều 25</b> h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi <u>trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
		<b>Bổ sung Mục k Khoản 3 Điều 25</b> k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
53	<b>Mục g Khoản 4 Điều 25</b> g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	<b>Sửa đổi Mục g Khoản 4 Điều 25</b> g. Việc mua hoặc bán cổ phần, <u>phần vốn góp tại các công ty khác</u> được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
54	<b>Khoản 8 Điều 25</b> 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	<b>Sửa đổi Khoản 8 Điều 25</b> 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
55	<b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> <b>Khoản 2 Điều 26</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.	<b>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> <b>Sửa đổi Khoản 2 Điều 26</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	<b>Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế</b>	<i>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
56	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.	<i>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
57	2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.	<i>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
58	3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thời giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.	Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới	Bỏ theo Điều lệ mẫu
59	4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới	Bỏ theo Điều lệ mẫu
60	5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.	Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới	Bỏ theo Điều lệ mẫu
	<b>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	
61	<i>Khoản 2 Điều 28</i> 2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 27</i> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất <b>năm (05) ngày</b> trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
62	<i>Khoản 3 Điều 28</i> 3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành; b. Trên 50% thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Trên 50% thành viên Ban kiểm soát.	<i>Sửa đổi Khoản 3 Điều 27</i> 3. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</b> Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành <b>hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</b> b. <b>ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</b> c. Ban kiểm soát.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
63	<i>Khoản 8 Điều 28</i> 8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.	<i>Sửa đổi Khoản 8 Điều 27</i> 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). <b>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
64	<p><b>Khoản 10 Điều 28</b></p> <p>10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	<p><b>Sửa đổi Khoản 10 Điều 27</b></p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. <u>Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan</u> tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
65	<p><b>Khoản 13 Điều 28</b></p> <p>13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên. □</p>	<p><b>Khoản 13 Điều 27</b></p> <p>13. <u>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của trên 50% thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u></p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
66	<p><b>Khoản 14 Điều 28</b></p> <p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p>	<p><b>Khoản 14 Điều 27</b></p> <p>14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp <u>hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</u></p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>			
67	<b>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</b> Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.	<b>Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý</b> <u>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
68	<b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</b> <i>Khoản 2 Điều 31</i> 2. Nhiệm kỳ. Theo điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.	<b>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b> <i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 30</i> 2. <u>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
69	<i>Mục f Khoản 3 Điều 31</i> f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;	<i>Bỏ mục này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
70	<i>Khoản 5 Điều 31</i> 5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.	<i>Sửa đổi Khoản 5 Điều 30</i> 5. <u>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi trên 50% thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	<b>Điều 32. Thư ký Công ty</b>	<b>Điều 31. Thư ký Công ty</b>	
71	a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. <u>Tham dự các cuộc họp.</u> 4. <u>Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</u> 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	<b>CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	
	<b>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</b>	
72	<b>Khoản 1 Điều 36</b> 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. □	<b>Sửa đổi Khoản 1 Điều 32</b> 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. <u>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u> a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu <u>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác</u> cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. □	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
73	<b>Khoản 2 Điều 36</b> 2. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Theo đó cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	<b>Sửa đổi Khoản 2 Điều 32</b> 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 5% đến dưới 10%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; <u>từ 10% đến dưới 30%</u> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; <u>từ 40% đến dưới 50%</u> được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; <u>từ 50% đến dưới 60%</u> được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
74		<i>Bổ sung Khoản 3 Điều 32 theo Điều lệ mẫu</i> 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
	<b>CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>	<b>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b>	
75	<b>Điều 33. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý</b>	<b>Điều 34. Trách nhiệm cần trọng</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	<b>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	<b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	
76	<i>Khoản 2 Điều 34</i> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 35</i> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
77	<i>Khoản 3 Điều 34</i> 3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	<i>Sửa đổi Khoản 3 Điều 35</i> 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, <u>trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
78	<i>Khoản 4 Điều 34</i> 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:	<i>Sửa đổi Khoản 4 Điều 35</i> 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu



STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
79	<p><i>Mục c Khoản 4 Điều 34</i></p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>	<p><i>Mục c Khoản 4 Điều 35</i></p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
80	<p><b>Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p><i>Khoản 2 Điều 35</i></p> <p>2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. □</p>	<p><b>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p><i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 36</i></p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cân vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
81	Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	<i>Bổ sung và sửa đổi Khoản 3 Điều 36</i> 3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	Bổ sung và sửa đổi theo Điều lệ mẫu
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>			
	<b>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	<b>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	
82	<i>Khoản 4 Điều 38</i> 4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.	<i>Sửa đổi Khoản 4 Điều 37</i> 4. <u>Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>			
	<b>Điều 39. Công nhân viên và công đoàn</b>	<b>Điều 38. Công nhân viên và công đoàn</b>	
83	Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý. 2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	<b>CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b>	<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	
84	<b>Điều 40. Cổ tức</b>	<b>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</b>	
	<i>Khoản 5 Điều 40</i> 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.	<i>Sửa đổi Khoản 5 Điều 39</i> 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. <u>Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
85			
86	<i>Khoản 6 Điều 40</i> 6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.	<i>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu
87	<i>Khoản 6 Điều 40</i> 7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách thực hiện quyền. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.	<i>Sửa đổi Khoản 6 Điều 39</i> 6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
88	<b>Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b> Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	<i>Khoản 7 Điều 39</i> 7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
89	<b>Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b> Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. □	<i>Bỏ điều khoản này trong Điều lệ mới</i>	Bỏ theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
90	<b>Điều 44. Năm tài khóa</b> Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.	<b>Điều 41. Năm tài chính</b> Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
91	<b>Điều 45. Hệ thống kế toán</b>  <i>Khoản 1 Điều 45</i> 1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).	<b>Điều 42. Chế độ kế toán</b>  <i>Sửa đổi Khoản 1 Điều 42</i> 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS).	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
92	<b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>  <b>Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b>  <i>Khoản 4 Điều 46</i> 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.	<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>  <b>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b>  <i>Khoản 4 Điều 43</i> 4. <u>Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
93	<b>Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b> Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. □	<b>Điều 44. Báo cáo thường niên</b> <u>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	<b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	
	<b>Điều 48. Kiểm toán</b>	<b>Điều 45. Kiểm toán</b>	
94	<i>Khoản 1 Điều 48</i> 1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi Khoản 1 Điều 48</i> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
95	<i>Khoản 2 Điều 48</i> 2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 48</i> 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	<b>CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	
	<b>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</b>	<b>Điều 47. Chấm dứt hoạt động</b>	
96		<i>Bổ sung Mục a Khoản 1 Điều 47 trong Điều lệ mới</i> a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
97	<i>Mục b Khoản 1 Điều 50</i> b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<i>Sửa đổi Mục c Khoản 1 Điều 47</i> c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
98	<b>Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</b>	<b>Điều 48. Gia hạn hoạt động</b>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
99	Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau: 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

STT	Nội dung điều lệ hiện hành	Nội dung điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
	<b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b>	
	<b>Điều 55: Ngày hiệu lực</b>	<b>Điều 52: Ngày hiệu lực</b>	
	<i>Khoản 2 Điều 55</i>	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 52</i>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
100	2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; b. 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty. □	2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty. □	